



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU

Số: /BC-UBND

DỰ THẢO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày tháng năm 2026

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

**Của chính sách trong dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thù lao cho người đã nghỉ hưu, giữ chức vụ lãnh đạo chuyên trách của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có phạm vi hoạt động trong tỉnh Cà Mau**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thù lao cho người đã nghỉ hưu, giữ chức vụ lãnh đạo chuyên trách của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có phạm vi hoạt động trong tỉnh Cà Mau, như sau:

### I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

#### 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong thời gian qua, các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có phạm vi hoạt động trong tỉnh đã phát huy vai trò quan trọng trong việc tập hợp, đoàn kết hội viên; tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và các nhiệm vụ chính trị khác của địa phương.

Đối với người đã nghỉ hưu được bổ trí giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, chế độ thù lao hiện được thực hiện theo Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội và các văn bản tổ chức thực hiện của địa phương. Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội tiếp tục xác định chế độ thù lao đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách là người đã nghỉ hưu và nguồn kinh phí chi trả từ ngân sách nhà nước hỗ trợ hằng năm cho hội theo quy định của pháp luật.

Sau khi thực hiện chủ trương hợp nhất tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu thành tỉnh Cà Mau từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, việc áp dụng chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội phát sinh bất cập. Trước khi hợp nhất, hai địa phương áp dụng các văn bản, mức chi và cơ chế lập, giao, sử dụng dự toán khác nhau, dẫn đến mức thù lao chưa thống nhất giữa các hội và giữa các địa bàn; các văn bản được ban hành trước khi hợp nhất không

còn bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

Thông báo số 556-TB/TU ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thống nhất chủ trương áp dụng mức chi thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có phạm vi hoạt động trong tỉnh. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết để làm cơ sở thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh. Báo cáo số 513/BC-STP ngày 20 tháng 4 năm 2026 của Sở Tư pháp xác định nội dung dự kiến quy định có chứa quy tắc xử sự chung, phải được ban hành bằng văn bản quy phạm pháp luật và thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Theo Quyết định số 707-QĐ/TU ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hiện có 16 hội quân chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh thuộc phạm vi rà soát để thực hiện chính sách. Số Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách là người đã có quyết định nghỉ hưu, mức thù lao đang hưởng và tổng kinh phí thực hiện hằng năm đang được Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị và các hội tổng hợp để làm cơ sở xác định nhu cầu ngân sách và lấy ý kiến Sở Tài chính.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết nhằm bảo đảm thực hiện thống nhất quy định của Trung ương; khắc phục sự khác nhau về mức chi và cơ chế thực hiện sau khi hợp nhất tỉnh; tạo cơ sở pháp lý cho việc lập, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo pháp luật về ngân sách nhà nước; đồng thời bảo đảm chế độ đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội được thực hiện đúng đối tượng, công khai và minh bạch.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **2.1. Mục tiêu tổng thể**

Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thống nhất mức chi thù lao cho người đã nghỉ hưu, giữ chức vụ lãnh đạo chuyên trách của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có phạm vi hoạt động trong tỉnh Cà Mau, bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật, điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Xây dựng cơ sở pháp lý thống nhất để tổ chức thực hiện chính sách trên phạm vi toàn tỉnh sau khi hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh; bảo đảm việc chi trả thù lao đúng đối tượng, đúng mức, không chi trùng, công khai và minh bạch; tạo cơ sở cho việc lập, tổng hợp, giao, quản lý, sử dụng và quyết toán dự toán ngân sách hằng năm; khắc phục sự chênh lệch giữa các địa bàn trước khi hợp nhất, góp phần ổn định tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hội; không làm phát sinh tổ chức mới, biên chế mới hoặc thủ tục hành chính không cần thiết; đồng thời bảo đảm chính sách được áp dụng kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực, không tính lại và không truy lĩnh đối với thời gian trước đó, trừ trường

hợp pháp luật có quy định khác.

## **II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

### **1. Giải pháp 1: Không ban hành Nghị quyết**

Tiếp tục thực hiện chế độ thù lao theo Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg, Nghị định số 126/2024/NĐ-CP và các văn bản, cơ chế đang được áp dụng trước khi hợp nhất trong phạm vi, đối tượng và thời gian còn phù hợp; thực hiện chi ngân sách theo dự toán hiện hành sau khi rà soát tính pháp lý, hiệu lực và phạm vi áp dụng của từng văn bản.

### **2. Giải pháp 2: Ban hành Nghị quyết theo phương án đề xuất**

Nghị quyết quy định người đã có quyết định nghỉ hưu, được cơ quan có thẩm quyền công nhận giữ chức danh Chủ tịch chuyên trách tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh được hưởng mức thù lao hằng tháng bằng 5,00 lần mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ; người giữ chức danh Phó Chủ tịch chuyên trách thuộc cùng phạm vi và đáp ứng đủ điều kiện được hưởng mức thù lao hằng tháng bằng 4,00 lần mức lương cơ sở.

Kinh phí chi trả từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ hằng năm cho hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo phân cấp quản lý ngân sách. Người đồng thời giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại từ hai hội trở lên chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất tại một hội, có trách nhiệm kê khai trung thực và hoàn trả khoản hưởng trùng. Chính sách được áp dụng kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực, không tính lại và không truy lĩnh đối với thời gian trước ngày Nghị quyết có hiệu lực.

## **III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC GIẢI PHÁP**

### **1. Đánh giá tác động của Giải pháp 1**

#### **a. Tác động đối với hệ thống pháp luật**

Giải pháp không làm phát sinh văn bản quy phạm pháp luật mới. Tuy nhiên, việc tiếp tục áp dụng các văn bản và mức chi khác nhau trước khi hợp nhất không giải quyết được yêu cầu thống nhất chính sách trên phạm vi tỉnh Cà Mau; có nguy cơ phát sinh cách hiểu và cách áp dụng khác nhau về đối tượng, mức chi, nguồn kinh phí, đầu mối dự toán và trách nhiệm quyết toán. Tính hợp pháp và khả năng tiếp tục áp dụng của giải pháp phụ thuộc vào kết quả rà soát hiệu lực, tính chất pháp lý và phạm vi điều chỉnh của từng văn bản cũ. Chính sách có phạm vi điều chỉnh nội bộ của địa phương, không phát sinh nội dung trái hoặc không tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

#### **b. Tác động về kinh tế - xã hội**

Giải pháp không làm phát sinh phần kinh phí tăng thêm do ban hành chính sách mới, nhưng ngân sách vẫn phải thực hiện các khoản chi hợp pháp theo chế độ đang áp dụng. Việc duy trì nhiều mức chi và cơ chế dự toán làm tăng khối lượng rà soát, đối chiếu hồ sơ, kiểm soát chi và quyết toán; không tạo được cơ sở

thống nhất để dự báo nhu cầu ngân sách. Về xã hội, giải pháp tiếp tục duy trì sự chênh lệch giữa những người giữ cùng chức danh, có thể phát sinh tâm lý so sánh, ảnh hưởng đến sự đồng thuận và ổn định hoạt động của hội. Giải pháp không tác động trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, việc làm, quốc phòng, an ninh, môi trường, y tế hoặc giáo dục.

### **c. Tác động về giới**

Giải pháp không đặt ra quy định phân biệt giới. Tuy nhiên, sự khác nhau về mức thù lao theo địa bàn có thể tác động đến cả nam và nữ giữ cùng chức danh mà không dựa trên tiêu chí thống nhất của chính sách. Tài liệu hiện có chưa cho thấy tác động bất lợi riêng biệt đối với một giới.

### **d. Tác động của thủ tục hành chính**

Giải pháp không làm phát sinh thủ tục hành chính mới đối với cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, cơ quan quản lý và các hội phải tiếp tục xử lý hồ sơ theo nhiều căn cứ khác nhau, làm tăng khối lượng phối hợp, kiểm tra và kiểm soát nội bộ trong quá trình lập dự toán, chi trả và quyết toán.

## **2. Đánh giá tác động của Giải pháp 2**

### **a. Tác động đối với hệ thống pháp luật**

Giải pháp tạo lập một văn bản quy phạm pháp luật áp dụng thống nhất trên phạm vi tỉnh Cà Mau, phù hợp với thẩm quyền chung của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách và biện pháp liên quan đến tài chính, ngân sách địa phương. Mức 5,00 lần đối với Chủ tịch chuyên trách không vượt mức tối đa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg.

Đối với Phó Chủ tịch chuyên trách, phương án quy định trực tiếp mức 4,00 lần mức lương cơ sở thể chế hóa chủ trương của tỉnh nhưng chưa được quy định trực tiếp tại văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương đang có hiệu lực, trong khi khoản 2 Điều 2 Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg giao hội quy định mức thù lao cụ thể đối với các chức danh lãnh đạo chuyên trách còn lại. Vì vậy, nội dung này cần được Sở Tư pháp thẩm định cụ thể về thẩm quyền, tính hợp pháp và tính thống nhất trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh. Chính sách không làm phát sinh vấn đề về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Việc quy định chính sách chỉ áp dụng kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực, không tính lại và không truy lĩnh đối với thời gian trước đó góp phần hạn chế phát sinh nghĩa vụ ngân sách ngoài dự toán. Các văn bản của tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu trước khi hợp nhất phải được rà soát, phân loại và xử lý theo đúng tính chất pháp lý, hiệu lực và thẩm quyền ban hành của từng văn bản.

### **b. Tác động về kinh tế - xã hội**

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, mức lương cơ sở là 2.530.000 đồng/tháng. Theo phương án chính sách, mức thù lao của Chủ tịch chuyên trách là 12.650.000 đồng/người/tháng, tương ứng 151.800.000 đồng/người nếu thực hiện đủ 12 tháng;

mức thù lao của Phó Chủ tịch chuyên trách là 10.120.000 đồng/người/tháng, tương ứng 121.440.000 đồng/người nếu thực hiện đủ 12 tháng.

Kinh phí chi trả từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ hằng năm cho hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo phân cấp quản lý ngân sách. Kinh phí thực hiện đủ 12 tháng được xác định theo công thức:  $(5C + 4P) \times LCS \times 12$ ; kinh phí năm đầu được xác định theo công thức:  $(5C + 4P) \times LCS \times M$ , trong đó C là số Chủ tịch chuyên trách đủ điều kiện, P là số Phó Chủ tịch chuyên trách đủ điều kiện, LCS là mức lương cơ sở có hiệu lực tại thời điểm chi trả và M là số tháng thực tế thực hiện chính sách trong năm ngân sách.

Tổng kinh phí hiện đang chi trả thù lao cho Chủ tịch và các Phó Chủ tịch chuyên trách tại các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ là 250.160.000 đồng/tháng, tương đương 3.001.920.000 đồng/năm. Sau khi Nghị quyết được ban hành, kinh phí dự kiến là 526.240.000 đồng/tháng, tương đương 6.314.880.000 đồng/năm; tăng 276.080.000 đồng/tháng, tương đương 3.312.960.000 đồng/năm so với mức đang thực hiện (*Chi tiết có phụ lục kèm theo*).

Về lợi ích, giải pháp tạo cơ sở thống nhất để lập, phân bổ, giao và quyết toán dự toán; giảm chi phí quản lý do phải áp dụng nhiều văn bản; bảo đảm sự công bằng tương đối giữa những người giữ cùng chức danh; góp phần ổn định hoạt động của các hội. Về chi phí và rủi ro, ngân sách cấp tỉnh phải bố trí nguồn tương ứng với số người đủ điều kiện, trong đó số lượng Phó Chủ tịch được công nhận tại từng hội có thể làm thay đổi nhu cầu kinh phí. Các hội phát sinh khối lượng công việc rà soát hồ sơ, lập danh sách, thực hiện chi trả, công khai và quyết toán, nhưng đây là công việc thuộc quy trình quản lý tài chính hiện hành và có thể thực hiện bằng nhân lực hiện có. Chính sách không tác động trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, việc làm, quốc phòng, an ninh, môi trường, y tế hoặc giáo dục.

### **c. Tác động về giới**

Chính sách áp dụng theo tình trạng nghỉ hưu, chức danh, tính chất chuyên trách và phạm vi hoạt động của hội, không dựa trên giới tính. Nam và nữ đáp ứng cùng điều kiện có cơ hội tiếp cận và thụ hưởng chính sách như nhau. Tài liệu hiện có chưa cho thấy tác động bất lợi khác biệt theo giới; do đó không cần thiết quy định biện pháp riêng về giới ngoài yêu cầu thực hiện bình đẳng, công khai và không phân biệt đối xử.

### **d. Tác động của thủ tục hành chính**

Dự thảo không đặt ra thủ tục hành chính mới đối với người dân, doanh nghiệp. Việc xác định đối tượng, lập danh sách, kê khai việc đồng thời giữ chức danh tại nhiều hội, lập dự toán, cấp phát, chi trả và quyết toán là quy trình nội bộ giữa cơ quan nhà nước, cơ quan được giao quản lý kinh phí và hội. Hồ sơ phục vụ chi trả gồm quyết định nghỉ hưu, văn bản của cơ quan có thẩm quyền công nhận chức danh, tài liệu xác định tính chất chuyên trách, bản kê khai không hưởng trùng và chứng từ chi trả, quyết toán theo quy định. Việc chuẩn hóa thành phần

hồ sơ và trách nhiệm phối hợp giúp giảm nguy cơ chi sai, chi trùng mà không làm phát sinh thủ tục hành chính độc lập.

#### **IV. LỰA CHỌN GIẢI PHÁP TỐI ƯU**

Qua đánh giá, Giải pháp 2 đáp ứng tốt hơn yêu cầu thống nhất chính sách sau khi hợp nhất tỉnh, tạo cơ sở pháp lý và ngân sách rõ ràng, bảo đảm công khai, minh bạch và thuận lợi cho tổ chức thực hiện. Giải pháp này phát sinh nhu cầu ngân sách và còn vấn đề pháp lý cần được thẩm định đối với mức thù lao 4,00 lần của Phó Chủ tịch chuyên trách, nhưng các rủi ro có thể được kiểm soát thông qua việc xác định đầy đủ đối tượng, lấy ý kiến Sở Tài chính, thẩm định của Sở Tư pháp và hoàn thiện quy định về quản lý, chi trả, kiểm soát hưởng trùng. Vì vậy, kiến nghị lựa chọn Giải pháp 2 để tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

#### **V. KIẾN NGHỊ**

Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị lựa chọn phương án ban hành Nghị quyết quy định mức chi thù lao cho người đã nghỉ hưu, giữ chức vụ lãnh đạo chuyên trách của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh, trong đó Chủ tịch chuyên trách được hưởng bằng 5,00 lần và Phó Chủ tịch chuyên trách được hưởng bằng 4,00 lần mức lương cơ sở.

Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các hội và cơ quan có liên quan hoàn thiện số liệu, tổ chức lấy ý kiến, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thù lao cho người đã nghỉ hưu, giữ chức vụ lãnh đạo chuyên trách của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ có phạm vi hoạt động trong tỉnh Cà Mau./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH NGƯỜI ĐÃ NGHỈ HỮU GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO CHUYÊN**  
**TRÁCH CỦA HỘI DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ CÓ PHẠM VI**  
**HOẠT ĐỘNG TRONG TỈNH CÀ MAU**

*Đơn vị tính: VNĐ*

| STT         | Họ và tên                                              | Ngày tháng năm sinh | Chức danh                              | Ngày nghỉ hưu | Ngày được bầu | Mức thù lao hiện hưởng/tháng | Ghi chú |
|-------------|--------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------|---------------|---------------|------------------------------|---------|
| <b>I</b>    | <b>Liên hiệp các tổ chức hữu nghị</b>                  |                     |                                        |               |               |                              |         |
| 01          | Nguyễn Văn Hòa                                         | 14/4/1963           | Chủ tịch                               | 01/5/2024     | 22/4/2026     | 12.650.000                   |         |
| 02          | Trà Văn Bắc                                            | 27/10/1963          | Phó Chủ tịch                           | 01/3/2024     | 22/4/2026     | 10.120.000                   |         |
| <b>II</b>   | <b>Liên minh Hợp tác xã: Không có đối tượng</b>        |                     |                                        |               |               |                              |         |
| <b>III</b>  | <b>Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật: Khuyết 01</b> |                     | <b>Chủ tịch và 01 PCT chuyên trách</b> |               |               |                              |         |
| <b>IV</b>   | <b>Hội cựu Công an nhân dân: Không có đối tượng</b>    |                     |                                        |               |               |                              |         |
| <b>V</b>    | <b>Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật</b>          |                     |                                        |               |               |                              |         |
| 03          | Mai Hữu Chính                                          | 06/03/1958          | Chủ tịch                               | 06/03/2018    | 23/04/2026    | 12.650.000                   |         |
| 04          | Nguyễn Văn Quân                                        | 03/06/1964          | Phó Chủ tịch                           | 01/10/2025    | 23/04/2026    | 10.120.000                   |         |
| <b>VI</b>   | <b>Hội Chữ thập đỏ</b>                                 |                     |                                        |               |               |                              |         |
| <b>VII</b>  | <b>Hội Đông y</b>                                      |                     |                                        |               |               |                              |         |
| <b>VIII</b> | <b>Hội Nhà báo</b>                                     |                     |                                        |               |               |                              |         |
| 05          | Nguyễn Thanh Dũng                                      | 29/5/1964           | Chủ tịch                               | 01/09/2025    | 28/04/2026    | 12.650.000                   |         |
| <b>IX</b>   | <b>Hội Luật gia</b>                                    |                     |                                        |               |               |                              |         |
| <b>X</b>    | <b>Hội Khuyến học</b>                                  |                     |                                        |               |               |                              |         |
| 06          | Trịnh Minh Thành                                       | 10/10/1955          | Chủ tịch Hội                           | 01/2016       | 30/9/2025     | 12.650.000                   |         |
| 07          | Trần Hoàng Duyên                                       | 15/10/1960          | Phó Chủ tịch Thường trực Hội           | 10/2021       | 30/9/2025     | 10.120.000                   |         |
| 08          | Nguyễn Thị Quế Phương                                  | 20/8/1957           | Phó Chủ tịch Hội                       | 09/2012       | 30/9/2025     | 10.120.000                   |         |
| 09          | Cao Minh Hồng                                          | 08/5/1958           | Phó Chủ tịch Hội                       | 06/2018       | 30/9/2025     | 10.120.000                   |         |
| <b>XI</b>   | <b>Hội người cao tuổi</b>                              |                     |                                        |               |               |                              |         |
| 10          | Phạm Anh Tuấn                                          | 27/11/1962          | Chủ tịch Hội                           | 01/10/2020    | 01/3/2022     | 12.650.000                   |         |
| 11          | Lê Hồng Thu                                            | 30/12/1964          | Phó Chủ tịch                           | 01/01/2021    | 01/3/2022     | 12.340.000                   |         |
| <b>XII</b>  | <b>Hội người mù</b>                                    |                     |                                        |               |               |                              |         |
| 12          | Cao Thanh Quý                                          | 01/01/1983          | Chủ tịch                               |               | 23/04/2026    | 12.650.000                   |         |
| 13          | Lê Quốc An                                             | 01/01/1985          | Phó Chủ tịch                           |               | 23/04/2026    | 10.120.000                   |         |
| 14          | Lê Nhật Ngân                                           |                     | Phó Chủ tịch                           |               | 23/04/2026    | 10.120.000                   |         |
| <b>XIII</b> | <b>Hội Cựu thanh niên xung phong</b>                   |                     |                                        |               |               |                              |         |
| 15          | Trần Quốc Tuấn                                         | 19/05/1955          | Chủ tịch                               | 01/06/2015    | 05/07/2026    | 12.650.000                   |         |
| 16          | Phan Thị Sang                                          | 08/08/1968          | Phó Chủ tịch                           | 01/01/2025    | 05/07/2026    | 10.120.000                   |         |
| <b>XIV</b>  | <b>Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin</b>             |                     |                                        |               |               |                              |         |
| 17          | Võ Thị Hồng Thoại                                      | 26/11/1958          | Chủ tịch                               | 20/10/2016    | 04/5/2026     | 12.650.000                   |         |
| 18          | Nguyễn Xuân Tình                                       | 12/06/1963          | Phó Chủ tịch                           | 01/7/2024     | 04/5/2026     | 10.120.000                   |         |
| <b>XV</b>   | <b>Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi</b>      |                     |                                        |               |               |                              |         |
| 19          | Tạ Bửu Thương                                          | 12/4/1962           | Chủ tịch                               | 01/11/2022    | 28/4/2026     | 12.650.000                   |         |
| 20          | Lê Thu Đăng                                            | 22/9/1961           | Phó Chủ tịch                           | 01/10/2016    | 28/4/2026     | 10.120.000                   |         |
| <b>XVI</b>  | <b>Hội Cựu tù chính trị yêu nước</b>                   |                     |                                        |               |               |                              |         |
| 21          | Nguyễn Quang Vinh                                      | 07/7/1952           | Chủ tịch                               | 01/4/2004     | 29/4/2026     | 12.650.000                   |         |
| 22          | Đặng Văn Mỹ                                            | 12/5/1956           | Phó Chủ tịch                           | 01/02/2015    | 29/4/2026     | 10.120.000                   |         |
|             | <b>TỔNG CỘNG</b>                                       |                     |                                        |               |               | <b>250.160.000</b>           |         |

## DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

*Đơn vị tính: VNĐ*

| STT | Chức danh        | Số lượng | Hệ số | Lương cơ sở | Tổng kinh phí thực hiện trong 01 tháng | Tổng kinh phí thực hiện trong 01 năm | Ghi chú |
|-----|------------------|----------|-------|-------------|----------------------------------------|--------------------------------------|---------|
| 01  | Chủ tịch         | 16       | 5     | 2.530.000   | 202.400.000                            | 2.428.800.000                        |         |
| 02  | Phó Chủ tịch     | 32       | 4     | 2.530.000   | 323.840.000                            | 3.886.080.000                        |         |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b> |          |       |             | <b>526.240.000</b>                     | <b>6.314.880.000</b>                 |         |